ĐỔI MỚI VÀ HIỆN ĐẠI HÓA CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA PHỔ THÔNG

GS.TS. NGUYỄN LỘC
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
TS. BÙI VIỆT PHÚ
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam

Giáo dục phổ thông (GDPT) có vị trí và tầm quan trọng hết sức to lớn đối với ngành Giáo dục (GD) nói riêng và đối với nền kinh tế quốc dân nói chung. Việt Nam cũng như nhiều nước trên thế giới ngày càng tham gia sâu rộng vào quá trình hội nhập quốc tế ở tất cả các lĩnh vực, trong đó có giáo dục và đào tạo (GD&ĐT). Đặc biệt, trong giai đoạn tới, với sự biến động mạnh mẽ của khoa học kĩ thuật và công nghệ thì GDPT có một vai trò, nhiệm vụ lớn lao là cần tạo ra được một lớp người năng động, sáng tạo nhằm đáp ứng được yêu cầu phát triển của đất nước và theo kịp với tốc độ phát triển của thế giới.

Để đáp ứng được yêu cầu trên, vấn đề phát triển chương trình và sách giáo khoa (SGK) phổ thông theo hướng hiện đại có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với GD&ĐT, đáp ứng yêu cầu *"Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo"* mà Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đã đề ra.

I. PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH VÀ SGK PHỔ THÔNG DƯỚI GÓC ĐỘ QUỐC TẾ

1. Sơ lược về hệ thống giáo dục quốc tế

1.1. Đặc điểm chung

Hệ thống GD quốc dân ở các nước nhìn chung đều bao gồm: giáo dục mầm non (GDMN), GD tiểu học (GDTH), GD trung học (GDTrH), GD nghề, GD đại học (GDĐH). Số năm dành cho GDPT ở các nước phần lớn là 12 năm. Nhiều nước không tách riêng cấp trung học cơ sở (THCS), trung học phổ thông (THPT) mà ghép chung là GDTrH.

Có thể hình dung mô hình khái quát về các hệ thống GD trên thế giới như sau:

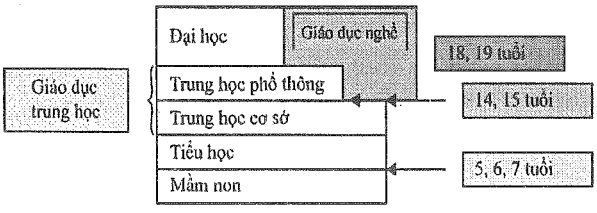

Có sự khác nhau ở từng nhóm nước về độ tuổi bắt đầu đi học TH, số năm học ở từng bậc học. Tuy nhiên, có thể nhận thấy rằng phần lớn các nước trên thế giới quy định độ tuổi bắt đầu học TH là 6 tuổi, số năm học ở TH thường là 6 năm, giai đoạn GD cơ bản bắt buộc gồm từ 9 đến 10 năm.

1.2. Khái quát về hệ thống GD của một số nước

a. Hàn Quốc

Mục tiêu của GD Hàn Quốc xây dựng trong chương trình năm 2007 được xác định nhằm hướng đến *con người được GD tốt nhất* với các yêu cầu sau đây: *"GD Hàn Quốc nhằm giúp mỗi công dân phát triển cá tính và những kĩ năng cần thiết cho cuộc sống của một công dân độc lập dưới ánh sáng của tư tưởng nhân đạo và tinh thần trách nhiệm vì sự phồn thịnh của đất nước và nhân loại"* [6].

Ở Hàn Quốc, giai đoạn THPT, học sinh (HS) có thể chọn một trong hai hướng: học cơ bản và học nghề. Lên đại học cũng theo hai hướng: GD hàn lâm và GD nghề. GD bắt buộc là 9 năm (giai đoạn TH và THCS).

b. Malaysia

Mục tiêu của Chính phủ là cung cấp một nền GD bình đẳng, xuất sắc và có tầm cỡ quốc tế cho mọi cá nhân thuộc những nhóm sắc tộc và ngôn ngữ khác nhau trên đất nước Malaysia. GD được quản lí bởi hai bộ thuộc Chính phủ: Bộ GD và Bộ Đại học.

Hệ thống GD của Malaysia bao gồm các cấp học: GDMN; GDTH (6 năm) được chia làm 2 giai đoạn, mỗi giai đoạn 3 năm, hết năm thứ 6 HS phải trải qua kì thi đánh giá TH; GDTrH (5 năm), chia làm 2 giai đoạn: THCS 2 năm, THPT 3 năm, cuối năm thứ 3 HS phải qua kì thi quốc gia PMR (đánh giá THCS), cuối năm thứ 5 HS trải qua kì thi quốc gia SPM (chứng chỉ giáo dục Malaysia, tương đương với GCSE ở Anh).

c. Liên bang Nga

GDPT Liên bang Nga hướng tới: Bảo đảm tính nhân văn trong GD; Bảo đảm tính thống nhất trong GD và văn hóa của liên bang, đồng thời duy trì truyền thống văn hóa của các dân tộc và các khu vực; Đáp ứng nhu cầu khác nhau của người học; Đảm bảo tính dân chủ và công khai trong quản lí GD cũng như sự tự chủ của các cơ sở GD.

Hệ thống GD quốc dân của Nga bao gồm: GD tiền học đường; GDPT 11 năm, gồm 3 giai đoạn: cấp TH (lớp 1-4), cấp THCS (lớp 5-9) và cấp THPT hoàn chỉnh (lớp 10-11). Các trường THPT thực hiện phân ban theo 4 loại hình: ban Khoa học tự nhiên, ban Nhân văn – Ngoại ngữ, ban Xã hội – Kinh tế, ban Công nghệ; GD nghề nghiệp; GD Đại học và sau đại học.

d. Singapore

Mục đích của nền GD chính thống ở Singapore là trang bị cho HS những kĩ năng kiếm sống, có giá trị đạo đức lành mạnh, và khi trưởng thành trở thành những con người có trách nhiệm và là những công dân trung thành. Tiến trình học tập nhằm thu hút được những gì tốt nhất của mỗi trẻ, giúp cho từng em phát huy tối đa tiềm năng của mình.

GDTH là bắt buộc với tất cả trẻ em từ 6 tuổi. Các em được hưởng 10 năm GD miễn phí: 6 năm ở bậc TH và 4 năm ở bậc TrH. GDTrH chuyên về học thuật được đưa vào các trường cao đẳng và một trường dự bị đại học tập trung.

2. Các chu kì đổi mới

Nhìn chung, sau 5-10 năm, các nước đều tiến hành đổi mới chương trình GDPT. Việc đổi mới của các nước rất đa dạng, có nước đổi mới chương trình nhiều cấp học trong cùng một giai đoạn, nhưng nhiều nước trong từng giai đoạn chỉ tập trung đổi mới chương trình một cấp học, một bậc học hoặc một số lĩnh vực GD.

Việc thay đổi chương trình diễn ra do nhu cầu đổi mới thường xuyên GDPT. Ở tất cả các nước, phát triển chương trình là một hoạt động bình thường, diễn ra thường xuyên đối với GDPT.

3. Vấn đề SGK

Bảng thống kê của INCA về việc điều hành SGK phổ thông ở một số nước (10)

Quốc gia	Cơ quan sản xuất SGK	Nhà nước thông qua danh sách SGK	Chọn SGK sử dụng trên lớp	Cung cấp SGK
Anh	Tư nhân	Không	Giáo viên – tự do lựa chọn.	Nhà trường cung cấp/cho mượn.
Pháp	Tư nhân - nhà nước thông qua. Hiệp hội địa phương/vùng và các trung tâm tư liệu sản xuất tài liệu dạy học để bổ sung cho SGK.	Nhà nước quy định nội dung và hình thức, thông qua tất cả SGK sử dụng ở trường và cung cấp danh sách SGK.	Giáo viên – từ danh sách SGK được thông qua.	GD bắt buộc – nhà trường cung cấp. GD sau bắt buộc - phụ huynh mua.
Đức	Tư nhân – nhà nước thông qua.	Nhà nước quy định giá, nội dung, hình thức, chất lượng và cung cấp danh sách SGK được thông qua.	Giáo viên – từ danh sách SGK được thông qua. Đôi khi dựa trên sự thông qua của thanh tra trường hoặc tư vấn của đại diện phụ huynh và HS.	Nhà trường cung cấp (cho mượn)
Nhật Bản	Tư nhân, do nhà nước thông qua, hoặc nhà nước sản xuất.	Nhà nước thông qua danh sách, tư nhân sản xuất. Một số SGK do nhà nước sản xuất.	Hội đồng GD ở địa phương hoặc hiệu trưởng quyết định SGK nào được sử dụng từ danh sách quy định.	Ở GD bắt buộc, tất cả HS đều nhận SGK mới, miễn phí hàng năm. Sau GD bắt buộc, HS mua.
Hàn Quốc	Nhà nước hoặc tư nhân, nhà nước ủy quyền hoặc thông qua.	Bộ biên soạn một số và ủy quyền hoặc thông qua SGK khác.	Giáo viên lựa chọn SGK từ danh sách được Nhà nước thông qua.	Cung cấp miễn phí ở cấp TH. Các cấp khác phụ huynh mua nhưng giá được giữ ở mức thấp.
Singapore	Nhà nước và tư nhân, nhà nước thông qua.	Nhà nước quy định nội dung và đưa ra danh sách SGK được thông qua. Tất cả các SGK này được Bộ thông qua 5 năm một lần.	Giáo viên lựa chọn SGK từ danh sách được nhà nước thông qua.	Phụ huynh mua, miễn phí cho gia đình nghèo.
Hoa Kì	Tư nhân (chủ yếu do 10 tập đoàn nắm giữ).	Khoảng ½ số SGK do Nhà nước đề xuất sau một số quy trình xem xét với những hướng dẫn theo chương trình.	Giáo viên (hoặc hội đồng trường) lựa chọn. Khoảng ½ số bang có một danh mục SGK được bang phê duyệt để các trường lựa chọn.	Được cung cấp miễn phí ở hầu hết các bang. Một số bang có thu tiền SGK nhưng HS nghèo được miễn phí. Một số nơi thu tiền SGK đối với HS THPT.

Trên cơ sở chương trình GD quốc gia có thể có nhiều bộ SGK, việc tổ chức biên soạn SGK khá đa dạng. Ở Hàn Quốc, Bộ GD giao quyền cho các công ty tư nhân tổ chức biên soạn và in ấn, phát hành SGK trừ một số môn, trong đó có môn Tiếng Hàn. Phần Lan giao cho các nhà xuất bản (NXB) tổ chức viết SGK, tác giả SGK có thể là giáo viên phổ thông. Ở các cơ sở GD, thậm chí giáo viên có quyền chọn SGK để dạy học. SGK được các NXB tổ chức in phù hợp với chương trình đã được công bố.

SGK được các NXB in nhưng phải được nhà nước duyệt về chất lượng, cho phép ban hành (Malaysia, Hàn Quốc, Pháp, Đức, Ý, Hà Lan, Nhật Bản, một số bang của Hoa Kì...).

II. XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ SGK Ở VIỆT NAM SAU 2015

1. Quy trình xây dựng, thực hiện chương trình

Việt Nam cũng như nhiều nước trên thế giới, việc triển khai và thực hiện chương trình theo các bước sau:

a. Phân tích yêu cầu của xã hội đối với GD và GDPT;

b. Đánh giá chương trình hiện hành;

c. Phác thảo những ý tưởng, định hướng cơ bản và khung chương trình GD;

d. Xây dựng chương trình chi tiết các môn học/ lĩnh vực học tập;

e Xin ý kiến rộng rãi;

g. Chỉnh sửa và tổ chức thí điểm;

h. Triển khai chương trình;

i. Tiếp tục đánh giá và điều chỉnh chương trình.

Riêng về thí điểm chương trình và SGK, một trong những hạn chế của các lần thay đổi vừa qua là làm theo kiểu cuốn chiếu nên thời gian thí điểm chương trình và SGK quá dài. Sắp tới, nên có chủ trương thực hiện cách biên soạn và thí điểm đồng thời ở cả 3 cấp để rút ngắn thời gian thí điểm xuống khoảng 3-4 năm.

2. Mô hình SGK

Định hướng xây dựng chương trình phải gắn liền với SGK phổ thông sau năm 2015, kiến thức sẽ chú trọng vào giải quyết các tình huống trong cuộc sống hàng ngày, chỉ lựa chọn một số nội dung cơ bản, thiết thực, gần gũi với cuộc sống nhằm hình thành năng lực, giúp HS biết giải quyết các vấn đề và tình huống trong cuộc sống thường nhật.

Việc lựa chọn mô hình SGK phải kết hợp hài hòa các yếu tố, tham khảo mô hình SGK của các nước tiên tiến như Hoa Kì, Pháp, Đức, Singapore... để vận dụng một cách hợp lí đối với thực tế ở Việt Nam. SGK phải đảm bảo được 3 chức năng: Chức năng thông tin; chức năng hướng dẫn (hướng dẫn giáo viên và HS) và chức năng kích thích. Tùy theo SGK đơn môn hay đa môn mà lựa chọn cách trình bày cấu trúc nội dung, không nên trình bày đơn vị bài học theo tiết học, mà trình bày theo chủ đề nội dung ứng với các tình huống tích hợp được thiết kế phù hợp.

SGK không chỉ chủ yếu là văn bản cung cấp thông tin kiến thức môn học như hiện nay. Đối với dạy học tích hợp, SGK cần có những nội dung mang tính hướng dẫn cơ bản đến các thao tác cho giáo viên và HS như xác định mục tiêu, chủ đề tích hợp, kĩ năng cơ bản; lời nói đầu giới thiệu cấu trúc các mạch nội dung, cách học, đặc thù, cách tìm kiếm thông tin... SGK nên có danh mục các từ khóa, thuật ngữ, khái niệm cốt lõi hướng dẫn đánh giá, hướng dẫn tái tạo lại kiến thức đã học từ các môn học liên quan. Một trong những yếu tố quan trọng để tiếp cận theo mô hình SGK hiện đại là yếu tố kênh hình. Kênh hình đóng vai trò chủ đạo để xây dựng và phát triển kiến thức mới, hạn chế việc dùng kênh hình chỉ để minh họa cho nội dung bài học như trước đây.

Với một chương trình quốc gia nên có nhiều bộ SGK. Bộ GD&ĐT là cơ quan trực tiếp thẩm định SGK và cho phép sử dụng nếu đảm bảo chất lượng. Tuy nhiên, số bộ SGK không nên quá nhiều, có thể biên soạn các bộ SGK theo 3 vùng: vùng đô thị, vùng nông thôn và vùng núi, dân tộc thiểu số.

III. ĐỊNH HƯỚNG ĐỔI MỚI, HIỆN ĐẠI HÓA CHƯƠNG TRÌNH VÀ SKG SAU 2015

1. Quan điểm tiếp cận

Đổi mới và hiện đại hóa chương trình và SGK phổ thông sau năm 2015 là một chủ trương lớn của Đảng ta. Với mục tiêu hướng đến một nền GD hiện đại, phát triển bền vững, quá trình GD hình thành năng lực chung, năng lực chuyên biệt để con người có tiềm lực phát triển, thích nghi với môi trường sống, học tập, làm việc luôn biến đổi với mọi hoàn cảnh.

Theo đó, chương trình và SGK mới tiếp cận theo hướng hình thành và phát triển năng lực cho người học; không chạy theo khối lượng tri thức mà chú ý khả năng vận dụng tổng hợp các kiến thức, kĩ năng, thái độ, tình cảm, động cơ... vào giải quyết các tình huống trong cuộc sống hàng ngày. Tiếp cận theo hướng năng lực đòi hỏi HS làm được gì,vận dụng được gì hơn là HS biết những gì. Vì vậy, chương trình phải được thiết kế thuận lợi cho việc tổ chức quá trình GD bằng các hoạt động của chính người học, hoạt động tích hợp các kiến thức, kĩ năng, thái độ, giá trị.

GD tích hợp được quán triệt khi thiết kế và thực hiện các yếu tố cấu thành quá trình với các mức độ khác nhau dựa trên logic phát triển năng lực ở HS. Tích hợp kết hợp với phân hóa sâu dần để có một chương trình giảm số môn học bắt buộc, tăng các môn học, chủ đề tự chọn, nhưng HS lại có được nguồn tri thức rộng, gắn với thực tiễn và được rèn luyện kĩ năng,

chuẩn bị tâm thế hướng nghiệp, hướng nghề, hướng đến phát triển trình độ cao.

2. Đề xuất một số giải pháp

Việc đổi mới nội dung, chương trình, SGK sau năm 2015 là một kế hoạch, chiến lược quan trọng. Để công tác xây dựng chương trình và mô hình SGK trở thành hiện thực, cần quan tâm đến các giải pháp sau đây:

Thứ nhất, phải thay đổi triết lí để chuyển một nền GD lấy trang bị kiến thức chuyên môn làm mục tiêu chủ yếu sang một nền GD chỉ dạy những kiến thức chuyên môn căn bản. Dành nhiều thời gian dạy người học về phương pháp, kĩ năng, cách tự học, dạy cách sử dụng, khai thác các thiết bị... và dạy làm người với mục đích người được đào tạo sẽ có khả năng thích ứng nhanh với hoàn cảnh, có khả năng học tập suốt đời và có trách nhiệm cao với gia đình và xã hội.

Thứ hai, chương trình mới phải tiếp cận theo hướng hình thành và phát triển năng lực cho người học; dạy học phân hóa, không chạy theo khối lượng tri thức mà chú ý khả năng vận dụng tổng hợp các kiến thức, kĩ năng, thái độ, tình cảm, động cơ... vào giải quyết các tình huống trong cuộc sống hàng ngày. Chương trình sau năm 2015 phải giảm mạnh đầu các môn học để mỗi học kì HS không học cùng một lúc quá 8 môn học. Yêu cầu phân hóa sâu ở THPT bằng việc học ít các môn bắt buộc, dành nhiều thời gian cho HS tự chọn các môn học/các chủ đề chuyên sâu/ nâng cao gắn với nghề nghiệp, cần cho định hướng nghề nghiệp.

Đồng thời, phải thay đổi một cách căn bản hệ thống đánh giá từ kiểm tra kiến thức sang đánh giá năng lực. Với đầu vào thì đánh giá năng lực có học được không. Trong quá trình thì đánh giá năng lực hiểu và tiếp thu sáng tạo những điều đã học. Đầu ra thì đánh giá năng lực vận dụng những điều đã học tập, rèn luyện vào môi trường mới.

Thứ ba, SGK phải được chuẩn bị kĩ lưỡng. Việc nghiên cứu và vận dụng mô hình SGK của các nước tiên tiến hết sức cần thiết đối với Việt Nam hiện nay, song cần làm một cách toàn diện, hệ thống gồm tất cả các yếu tố để bảo đảm chất lượng, từ cách tiếp cận đến hình thức, nội dung, mĩ thuật để SGK vừa mang tính hiện đại đáp ứng nhu cầu hội nhập, đồng thời đảm bảo được tính tư tưởng, phù hợp với hoàn cảnh của Việt Nam.

Ngoài ra, để có thể tiến hành tổ chức thực hiện có hiệu quả chương trình và SGK mới, cần phải coi trọng việc đào tạo và đào tạo lại đội ngũ giáo viên, bởi một khi đã có chương trình và SGK mới, hiện đại thì đòi hỏi người thầy phải tiếp cận nhanh chóng, vì người thầy là "máy cái" để tạo ra các sản phẩm. Phương thức GD mới tới đây sẽ thay đổi căn bản điều này: Thầy giáo không chỉ là người truyền thụ kiến thức mà nhiệm vụ chính của người thầy sẽ là tổ chức, hướng dẫn HS tự học, tự khai thác kiến thức, vận dụng kiến thức để hình thành năng lực, phẩm chất, kĩ năng và khả năng thích ứng với môi trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Lữ Đạt, Chu Mãn Sinh (đồng chủ biên), 2010, *Cải cách giáo dục ở Mĩ*, NXB GD Việt Nam.

2. Lữ Đạt - Chu Mãn Sinh (đồng chủ biên), 2010, *Cải cách giáo dục ở Pháp và Đức*, NXB GD Việt Nam.

3. Nguyễn Lộc - Vũ Quốc Chung (đồng chủ biên), 2010, *Kinh nghiệm quốc tế về phát triển chương trình phổ thông*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Trần Thị Bích Liễu (2013), *Giáo dục phát triển năng lực sáng tạo*, NXB GD Việt Nam.

5. *Korea Education - 2007-2008-* Ministry of Education & Human Resources Development, Republic of Korea.

6. KICE – Proclamation of the Ministry of education and Humamn Resources Developement 2007.

7. Finnish National Board of education (2009), *Education in Finland.*

8. NIER (1999), *An International Comparative Study of School Curriculum.*

9. KEDI - http://eng.kedi.kr

10. INCA – http://inca.org.uk

11. http://educatiomalaysia.org.my

12. http://www.unesco.org/new/en/unesco/

SUMMARY

Renovating and modernizing curriculum and textbooks of general education is one of the key tasks set forth in the plan "Radical and Comprehensive Renovation of Vietnamese Education and Training" put forth by our Communist Party. The article has presented the following: 1/ General characteristics of the national education system; an overview of education systems of several countries; cycles for renovation of curriculum and textbooks and managing general education textbooks in several countries; 2/ Experiences from other countries and actual status in Vietnam to build the process for organizing and implementing curriculum and textbook model, and also touch upon the piloting of curriculum and textbooks after 2015; 3/ The new approaches on the basis of competency formulation and sustainable development in the Vietnamese curriculum and textbooks after 2015. Also, the paper proposes three solutions for consideration to effectively contribute to the building of modern curriculum and textbooks after 2015.